

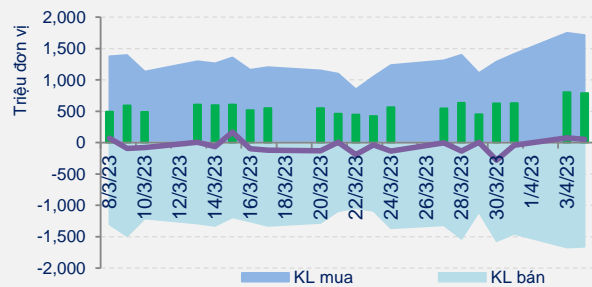
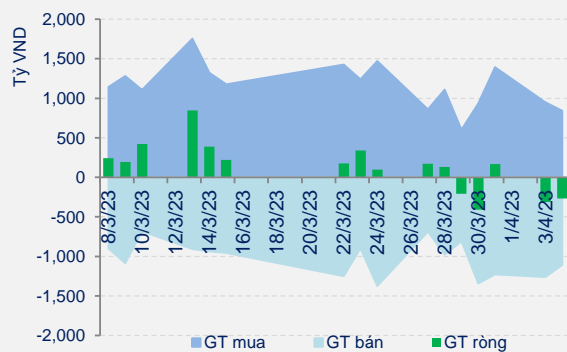
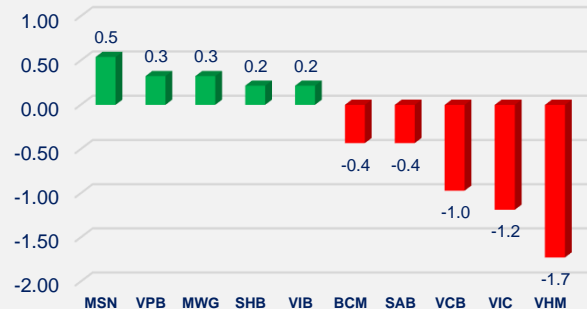
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

4/4/2023

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,078.45	210.73
% Thay đổi	↓ -0.08%	↑ 0.12%
KLGD (CP)	790,108,485	95,156,205
GTGD (tỷ đồng)	13,574.79	1,332.91
Tổng cung (CP)	1,658,299,489	163,713,800
Tổng cầu (CP)	1,712,149,329	146,456,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	40,712,255	901,837
KL mua (CP)	34,587,555	746,783
GT mua (tỷ đồng)	841.41	13.46
GT bán (tỷ đồng)	1,109.87	17.59
GT ròng (tỷ đồng)	(268.46)	(4.12)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Dưới áp lực của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn VN-INDEX kết phiên hôm nay giảm nhẹ 0,83 điểm (-0,08%) về mức 1.078.45 điểm với thanh khoản ở mức cao. Độ rộng thị trường vẫn tích cực với 261 mã tăng điểm (9 mã tăng trần), 139 mã giảm điểm khi áp lực bán ngắn hạn gia tăng và 46 mã tham chiếu. HNX-INDEX tăng 0,25 điểm (0,12%) lên mức 210,73 điểm với 95 mã tăng điểm (13 mã tăng trần), 73 mã giảm điểm (06 mã giảm sàn) và 58 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết duy trì ở mức cao với 14,903,42 tỷ đồng được giao dịch, giảm nhẹ so với phiên trước, vẫn cao trên mức trung bình khi dòng tiền ngắn hạn gia tăng ở nhiều nhóm mã với thanh khoản, khối lượng giao dịch đột biến và có xu hướng luân chuyển sang các mã vốn hóa nhỏ, trung bình. Nhà đầu tư nước ngoài sau tiếp tục bán ròng phiên thứ 02 liên tiếp trong đầu tháng 4 trên HOSE với giá trị bán 268,52 tỉ đồng. Bán ròng trở lại trên HNX với giá trị 4,12 tỉ đồng.

Tiếp theo việc hạ lãi suất điều hành, Ngân hàng Nhà Nước hôm qua có công văn hướng dẫn triển khai Chương trình cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ theo Nghị quyết số 33 Chính phủ, với quy mô khoảng 120.000 tỷ đồng. Chính phủ cũng đã phê duyệt đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 – 2030 trong đó 428.000 căn giai đoạn 2021 - 2025 và hoàn thành 634.200 căn giai đoạn 2025 – 2030. Đồng thời Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định 10 sửa đổi nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai với nhiều điểm mới.

Được sự hỗ trợ bởi các thông tin trên, nhóm cổ phiếu bất động sản vẫn duy trì tăng điểm tích cực như DRH (+6,29%), NTL (+3,74%), DIG (+3,47%), QCG (+3,45%)... Đồng thời nhiều mã cũng chịu áp lực bán trong vùng quá mua ngắn hạn như VHM (-3,04%), CEO (-0,84%)...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán tiếp tục thu hút lực cầu với nhiều mã tăng giá tích cực như BSI (+6,87%), FTS (+3,08%), VIX (+2,61%), MBS (+2,42%), HCM (+2,30%)...

Ngoài ra dòng tiền cũng luân chuyển sang các mã, nhóm mã cơ bản có quá trình tích lũy tốt như logistic như HAH (+6,93%), VOS (+6,84%), GMD (+1,91%)... nhóm ngành thủy sản với ANV (+4,79%), IDI (+3,02%), VHC (+2,18%)... và phục hồi tốt trở lại đối với nhóm cổ phiếu bán lẻ sau áp lực bán mạnh trong tháng 03 như DGWW (+6,69%), PET (5,74%), FRT (+5,69%)...

Các mã ngân hàng có tính chất giữ nhịp và luân chuyển ngắn hạn với mức độ phân hóa tích cực khi PGB (+4,80%), SHB (+2,68%), VIB (+1,84%), LPB (+1,61%)... HDB (-1,03%), CTG (-1,0%), VCB (-0,86%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2304 giảm 2,8 điểm (-0,26%), mức chênh lệch tăng lên -8,15 điểm so với VN30. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2305, VN30F2006 và VN30F2309 gia tăng mức chênh lệch lên -9,54 điểm đến -13,14 điểm cho thấy các trader nghiêng về VN30 tiếp tục điều chỉnh. Đồng thời khối lượng mở OI tiếp tục xu hướng giảm, khối lượng giao dịch cũng giảm so với phiên trước, cho thấy các trader có thể đang giảm dần các vị thế nắm giữ và có thể dịch chuyển sang ở thị trường cơ sở.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 4/4/2023

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Sau phiên bùng nổ đầu tuần và 9 phiên tăng điểm liên tiếp đà tăng của thị trường đã chững lại khi VnIndex đi ngang hôm nay (giảm rất nhẹ). Với trạng thái vận động hiện tại có thể thấy VnIndex đang vận động vững vàng trong kênh tăng ngắn hạn và chúng tôi kỳ vọng VnIndex có thể hướng tới ngưỡng kháng cự tâm lý 1.150 điểm trong thời gian tới.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường đã có dấu hiệu điều chỉnh sau một đợt tăng kéo dài 9 phiên liên tiếp, sau phiên bùng nổ 3/4, hôm nay đà tăng của thị trường đã chững lại khi VnIndex đóng cửa giảm -0,83 điểm (giảm không đáng kể) với khối lượng giao dịch tiếp tục duy trì ở mức cao. Chốt phiên VnIndex đóng cửa ở 1.078,45 điểm và tiếp tục duy trì xu hướng trong kênh tăng ngắn hạn. Mục tiêu của chỉ số này hướng tới có thể là vùng kháng cự ngắn hạn 1.150 hoặc cao hơn theo kênh tăng (2 đường đỏ song song) trên đồ thị. Với phiên giao dịch gần như đi ngang hôm nay cùng với việc khối lượng cung tăng lên cho thấy khả năng VnIndex sẽ có điều chỉnh trong các phiên tới, tuy nhiên nếu điều chỉnh xảy ra thì đó là tín hiệu tốt giúp cho VnIndex rũ bỏ và tiếp tục hồi phục.

Về xu hướng trung - dài hạn chúng tôi đã xác nhận VnIndex đã tạo đáy dài hạn vào tháng 11/2022 và quá trình hồi phục bắt đầu từ thời điểm đó. Sau khi tạo đáy dài hạn xu hướng hồi phục sẽ có tính chất tích lũy rộng với từng bước sóng có đáy cao dần và đỉnh là ngưỡng kháng cự quanh 1.150 điểm, các bước sóng sau có biên độ hẹp và chặt chẽ dần và khối lượng cạn kiệt. Với trạng thái vận động như vậy có thể nhận định VnIndex sẽ tích lũy chặt chẽ khi đang vận động dưới 1.150 và khi chỉ số này tiệm cận 1.150 có thể kỳ vọng sẽ tiếp tục bùng nổ vượt lên để tạo nên một chu kỳ uptrend mới (kèm theo các điều kiện vĩ mô thuận lợi). Về cơ bản mặt bằng giá cổ phiếu hiện tại đang tương đối hấp dẫn sau thời gian dài thị trường rơi vào downtrend. Về vĩ mô có thể thấy giai đoạn hiện tại là giai đoạn khó đoán định khi các thông tin về tình hình vĩ mô trong và ngoài nước vẫn đang tương đối xấu, điểm tích cực là xu hướng lãi suất đang giảm dần nhưng rủi ro về lạm phát và suy thoái toàn cầu vẫn đang ở mức cao. Do đó, chúng tôi nhận định xu hướng hiện mang tính chất tích lũy sẽ còn tiếp tục kéo dài trước khi thị trường có thể tạo ra một xu hướng (uptrend) thực sự mạnh mẽ.

Với nhận định thị trường như trên, chúng tôi cho rằng các nhà đầu tư ngắn hạn giai đoạn này vẫn có thể giải ngân đón đầu sóng hồi, sau phiên đi ngang hôm nay có thể thị trường sẽ điều chỉnh ngắn hạn trong thời gian tới và tạo cơ hội cho nhà đầu tư ngắn hạn giải ngân thêm, chúng tôi vẫn kỳ vọng VnIndex sẽ hướng tới khu vực 1.150 điểm. Thị trường hiện tại vẫn phù hợp cho mục tiêu giải ngân đầu tư nắm giữ trung - dài hạn (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy), mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là giải ngân dần trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

4/4/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DŌI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	
DCM	24.60	23-24.5	30-31	19	3.0	61.4%	136.7%	Theo dŏi chờ giải ngân
ANV	32.80	27-30	34-35	23	6.2	40.2%	423.3%	Theo dŏi chờ giải ngân
DGC	53.40	46-49	66-67	43	3.6	51.2%	133.0%	Theo dŏi chờ giải ngân
STB	26.90	23-24.5	29-30	22	10.1		47.8%	Theo dŏi chờ giải ngân
PVS	26.30	24-25	29-30	22	14.2	14.8%	31.0%	Theo dŏi chờ giải ngân
DBC	14.50	13-14.2	21-22	11.5	23.4	13.5%	-81.9%	Theo dŏi chờ giải ngân
GVR	15.95	13.5-15	19-20	12	16.6	-2.9%	-7.7%	Theo dŏi chờ giải ngân
HAH	37.05	33-34.5	44-46	30	3.3	63.9%	84.5%	Theo dŏi chờ giải ngân
BVS	20.10	17-18	24-26	15	10.1	-24.9%	-49.3%	Theo dŏi chờ giải ngân
VCI	33.30	28-30	36-37	27	16.7	-14.9%	-42.0%	Theo dŏi chờ giải ngân
PTB	43.85	40-42	50-52	37	6.1	6.1%	-4.8%	Theo dŏi chờ giải ngân
BSI	25.65	21-22	27-28	19	31.7	-18.3%	-68.5%	Theo dŏi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thẻ	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/2/2023	BCM	82.00	84.00	110	81	-2.38%	Nắm giữ
16/2/2023	POW	13.50	12.10	16-16.5	12.5	11.57%	Nắm giữ
3/8/2023	SZC	30.65	26.90	33-35	26	13.94%	Nắm giữ
3/9/2023	CSV	28.55	27.40	34-36	26	4.20%	Nắm giữ
3/9/2023	IDC	41.40	39.90	47-49	36.5	3.76%	Nắm giữ
30/3/2023	BVS	20.10	18.00	18.00	24-26	11.67%	Nắm giữ
31/3/2023	PTB	43.85	42.00	42.00	50-52	4.40%	Nắm giữ
4/4/2023	DBC	14.50	14.15	21-22	13	2.47%	Giải ngân giá 14.15
4/4/2023	DCM	24.60	24.1	30-31	22	2.07%	Giải ngân giá 24.1
4/4/2023	HAH	37.05	34.8	44-46	32	6.47%	Giải ngân giá 34.80



TIN VĨ MÔ

Đầu tư vào các KCN của Bà Rịa-Vũng Tàu có dấu hiệu chững lại

Tình hình thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trong quý I/2023 có dấu hiệu chững lại, vốn đầu tư rót vào rất nhỏ giọt.

Đồng Nai cắt giảm hàng ngàn lao động

Thiếu đơn hàng sản xuất, các doanh nghiệp buộc phải cắt giảm lao động. Trong tháng 3, đã có trên 2.000 lao động bị cắt giảm.

Vì sao Bắc Ninh có tốc độ tăng trưởng GRDP âm sâu nhất cả nước trong quý 1?

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh, trong quý I, cả nước có 5 tỉnh, thành phố tăng trưởng GRDP âm. Riêng Bắc Ninh - tỉnh mạnh về sản xuất công nghiệp - lại có mức tăng trưởng thấp nhất cả nước (-11,85%).

ADB dự báo Việt Nam có thể thâm hụt tài khoản vãng lai tương đương 1% GDP trong năm 2023

ADB dự báo cả nhập khẩu và xuất khẩu của Việt Nam sẽ giảm xuống 7% trong năm nay và năm tới. Tăng trưởng thương mại chậm lại có thể tạo ra thâm hụt tài khoản vãng lai tương đương 1% GDP trong năm nay, trước khi đạt mức thặng dư trở lại vào năm 2024...

Lãnh đạo Bộ Công Thương nói gì về loạt nhà máy điện gió, điện mặt trời 'đắp chiếu'?

Bộ Công Thương đã yêu cầu Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) khẩn trương phối hợp với các chủ đầu tư chuyển tiếp, thoả thuận, thống nhất giá điện để sớm đưa nhà máy vào vận hành, tránh gây lãng phí tài nguyên.

Tăng trưởng GRDP của 63 tỉnh, thành quý I/2023: 45 địa phương cao hơn bình quân chung cả nước

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I năm 2023 ước tính tăng 3,32%.

Công nghiệp suy giảm là 'dấu hiệu lạ'

Chuyên gia kinh tế, TS Vũ Đình Ánh cho rằng, nguyên nhân khiến tăng trưởng GDP của Việt Nam quý I chỉ đạt mức thấp 3,32% xuất phát từ câu chuyện của hai trụ cột là công nghiệp và xuất khẩu giảm mạnh.

**TIN DOANH NGHIỆP**

QNS sắp chi hơn 535 tỷ trả cổ tức còn lại năm 2022

CTCP Đường Quảng Ngãi (UPCoM: QNS) sẽ chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức còn lại năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 15%. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 17/04/2023.

MB đặt mục tiêu lãi trước thuế 2023 lên 26,100 tỷ đồng

Theo tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2023 vừa công bố, Ngân hàng TMCP Quân đội (MB, HOSE: MBB) đề ra mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 26,100 tỷ đồng, tăng 15% so với năm trước.

Chứng khoán HSC đặt kế hoạch lãi 2023 đi lùi 15%

Dự đoán thanh khoản năm 2023 giảm so với năm trước, CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC, HOSE: HCM) đặt mục tiêu kinh doanh đi lùi. Lãi sau thuế dự kiến đạt 721 tỷ đồng, giảm 15% so với năm trước.

Khoáng sản FECON đặt kế hoạch lãi 2023 tăng gần 8%

CTCP Khoáng sản FECON (HOSE: FCM) vừa công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ 2023, trong đó đề ra mục tiêu lãi sau thuế 22.5 tỷ đồng, tăng gần 8% so với năm trước.

Sau năm lỗ kỷ lục, ban lãnh đạo thép SMC không nhận thù lao trong năm 2022 và 2023

Sau 1 năm lỗ chưa từng có, ban lãnh đạo SMC đề xuất không nhận thù lao trong hai năm 2022 và 2023, đồng thời dự báo “triển vọng phục hồi tích cực của các doanh nghiệp ngành thép cần thêm nhiều thời gian”.

IDC sắp chi gần 660 tỷ đồng trả cổ tức

Tổng Công ty IDICO - CTCP (HNX: IDC) thông báo chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền mặt. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 11/04/2023.

HDBank: Mục tiêu lãi trước thuế 2023 tăng 29%, vốn điều lệ lên mức 29,276 tỷ đồng

Theo tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2023 vừa công bố, Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM (HDBank, HOSE: HDB) dự kiến trình kế hoạch kinh doanh, cổ tức, tăng vốn điều lệ cũng như niêm yết trái phiếu chào bán ra công chúng.

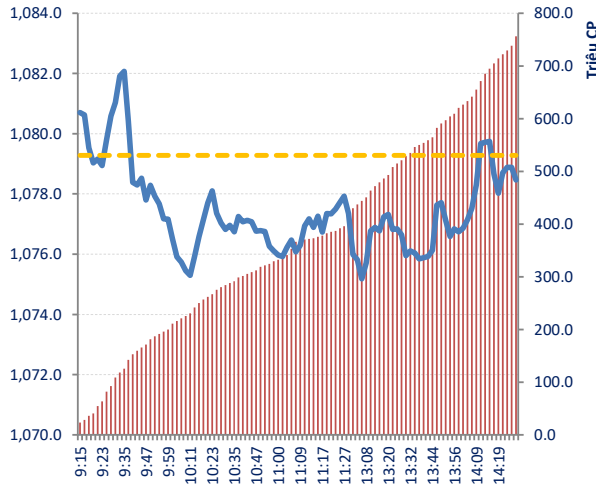
Vinamilk trình kế hoạch doanh thu 63,380 tỷ đồng trong năm 2023

CTCP Sữa Việt Nam (Vinamilk, HOSE: VNM) lên kế hoạch trình ĐHĐCĐ thường niên 2023 với doanh thu tăng 5.5% và lợi nhuận tương đương kết quả thực hiện của năm 2022.

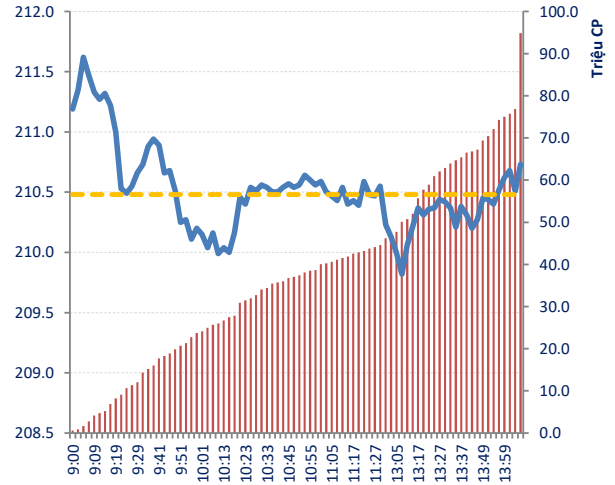


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

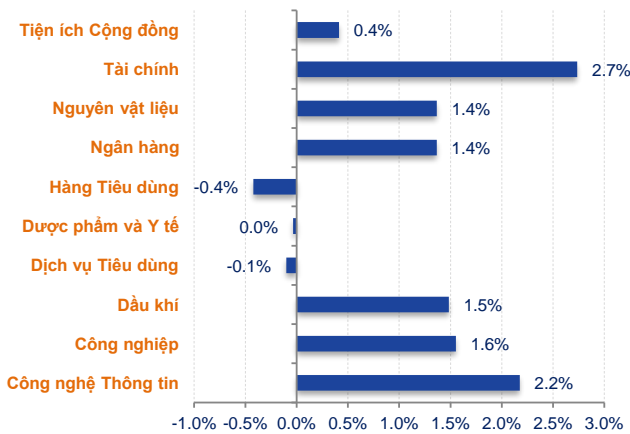
KLGD và VN-Index trong phiên



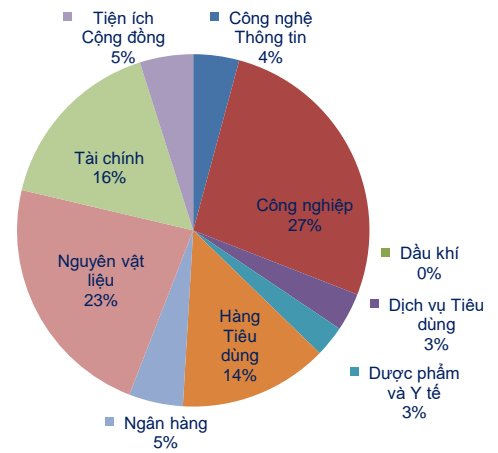
KLGD và HNX-Index trong phiên



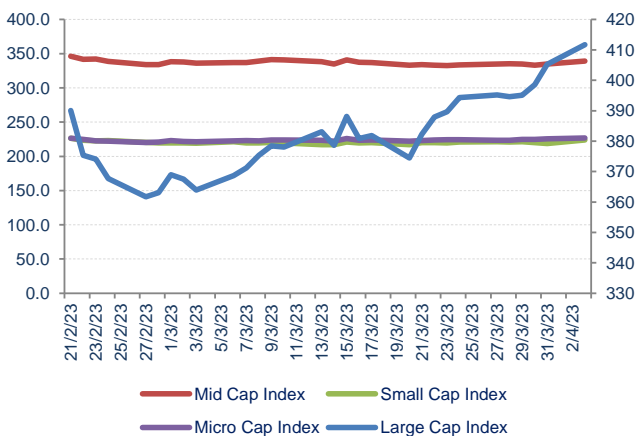
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



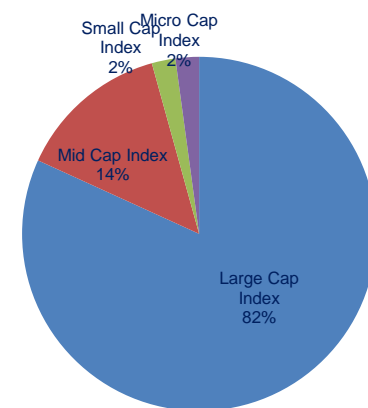
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VPB	2,084,700	STB	3,895,000
2	KBC	1,207,100	VND	2,622,300
3	HCM	749,900	FUEVFNVD	1,946,800
4	HPG	688,800	DXG	1,501,700
5	VIC	632,400	SSI	1,362,300

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TNG	529,100	PVS	491,400
2	EVS	73,990	SHS	129,111
3	IDC	33,900	PVL	63,800
4	CEO	15,600	NVB	31,701
5	PSI	10,000	CTC	20,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.20	11.50	↑ 2.68%	47,120,900
VND	15.90	16.20	↑ 1.89%	40,484,300
LPB	15.50	15.75	↑ 1.61%	35,680,400
SSI	22.00	22.50	↑ 2.27%	31,023,800
HQC	3.90	4.17	↑ 6.92%	25,205,600

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	9.50	9.60	↑ 1.05%	24,838,395
CEO	23.90	23.70	↓ -0.84%	8,891,956
APS	10.60	11.60	↑ 9.43%	4,954,923
PVS	26.40	26.30	↓ -0.38%	4,853,216
MBS	16.50	16.90	↑ 2.42%	4,467,283

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HAH	34.65	37.05	2.40	↑ 6.93%
HQC	3.90	4.17	0.27	↑ 6.92%
VIP	10.90	11.65	0.75	↑ 6.88%
BSI	24.00	25.65	1.65	↑ 6.87%
CLW	29.10	31.10	2.00	↑ 6.87%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TTL	8.00	8.80	0.80	↑ 10.00%
HAT	23.20	25.50	2.30	↑ 9.91%
VMS	15.30	16.80	1.50	↑ 9.80%
API	9.30	10.20	0.90	↑ 9.68%
BXH	12.50	13.70	1.20	↑ 9.60%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GTA	14.00	13.10	-0.90	↓ -6.43%
FDC	19.00	17.85	-1.15	↓ -6.05%
FCM	4.13	3.90	-0.23	↓ -5.57%
COM	32.75	31.00	-1.75	↓ -5.34%
PAC	32.10	30.40	-1.70	↓ -5.30%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BPC	10.00	9.00	-1.00	↓ -10.00%
PMP	12.00	10.80	-1.20	↓ -10.00%
SAF	71.80	64.70	-7.10	↓ -9.89%
AMC	25.30	22.80	-2.50	↓ -9.88%
TJC	18.30	16.50	-1.80	↓ -9.84%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	47,120,900	19.7%	2,520	4.4	0.8
VND	40,484,300	10.0%	1,095	14.5	1.3
LPB	35,680,400	22.1%	2,825	5.5	1.1
SSI	31,023,800	9.3%	1,367	16.1	1.5
HQC	25,205,600	0.4%	39	98.8	0.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	24,838,395	2.1%	224	42.4	0.8
CEO	8,891,956	7.7%	1,084	22.1	1.7
APS	4,954,923	-37.7%	(5,393)	-	0.9
PVS	4,853,216	6.9%	1,849	14.3	1.0
MBS	4,467,283	13.0%	1,531	10.8	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HAH	↑ 6.9%	34.3%	11,365	3.0	0.8
HQC	↑ 6.9%	0.4%	39	98.8	0.4
VIP	↑ 6.9%	20.8%	3,615	3.0	0.6
BSI	↑ 6.9%	3.7%	809	29.7	1.0
CLW	↑ 6.9%	12.8%	2,317	12.6	1.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TTL	↑ 10.0%	0.8%	118	68.0	0.6
HAT	↑ 9.9%	31.2%	5,893	3.9	1.1
VMS	↑ 9.8%	6.6%	1,085	14.1	0.9
API	↑ 9.7%	13.2%	1,411	6.6	0.8
BXH	↑ 9.6%	2.8%	517	24.2	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	2,084,700	19.1%	2,714	7.8	1.4
KBC	1,207,100	8.9%	1,991	12.6	1.1
HCM	749,900	11.2%	1,864	14.0	1.5
HPG	688,800	9.1%	1,459	14.4	1.3
VIC	632,400	5.9%	2,270	25.6	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TNG	529,100	18.8%	2,880	6.2	1.1
EVS	73,990	4.0%	737	12.9	0.5
IDC	33,900	40.1%	7,001	6.0	2.1
CEO	15,600	7.7%	1,084	22.1	1.7
PSI	10,000	4.1%	453	12.8	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	439,178	24.4%	6,318	14.7	3.2
BID	232,186	19.1%	3,590	12.8	2.2
VHM	229,040	20.6%	6,621	7.9	1.5
VIC	221,208	5.9%	2,270	25.6	1.6
GAS	196,180	26.1%	7,732	13.3	3.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	13,895	4.2%	697	57.0	2.3
IDC	13,761	40.1%	7,001	6.0	2.1
PVS	12,618	6.9%	1,849	14.3	1.0
KSF	12,240	5.6%	1,224	33.3	1.8
PVI	11,899	0.5%	168	303.3	1.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	2.99	1.9%	236	60.9	1.1
DRH	2.98	0.0%	3	1,860.6	0.4
DXG	2.98	1.6%	354	37.8	0.6
NHA	2.78	0.5%	45	265.4	1.2
BCG	2.67	3.2%	680	9.9	0.3

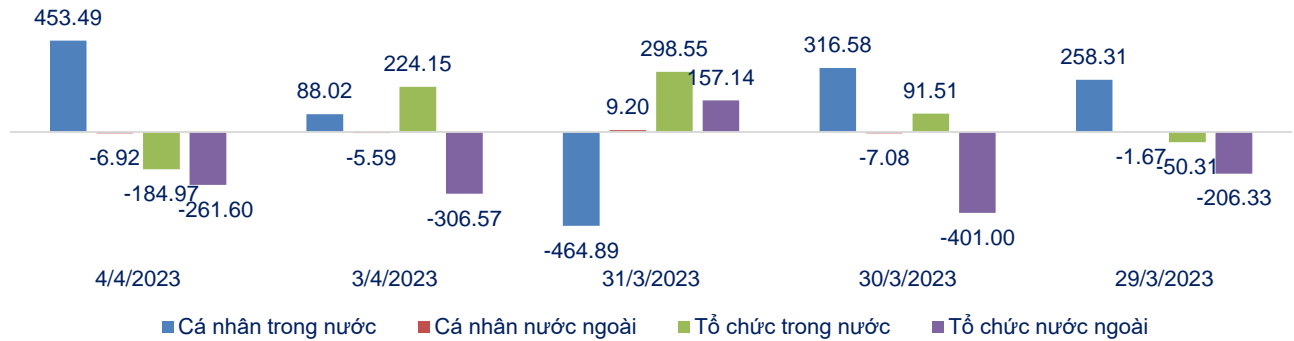
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	4.33	3.3%	615	77.7	3.6
APS	3.88	-37.7%	(5,393)	-	0.9
CEO	3.63	7.7%	1,084	22.1	1.7
API	3.60	13.2%	1,411	6.6	0.8
IDJ	3.47	9.8%	866	10.7	0.8



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
LPB	322.22	22.1%	2,825	5.5	1.1
STB	95.96	13.8%	2,674	10.0	1.3
VNM	78.19	24.8%	4,077	18.2	4.7
VCG	61.30	8.9%	1,610	13.0	1.0
GAS	40.28	26.1%	7,732	13.3	3.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-94.62	19.1%	2,714	7.8	1.4
VJC	-94.44	-14.0%	(4,010)	-	3.9
KBC	-71.49	8.9%	1,991	12.6	1.1
SSI	-47.64	9.3%	1,367	16.1	1.5
TCB	-37.55	19.5%	5,736	5.1	0.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	2.20	9.0%	2,511	30.6	3.0
SHB	1.00	19.7%	2,520	4.4	0.8
HPG	0.63	9.1%	1,459	14.4	1.3
VPB	0.48	19.1%	2,714	7.8	1.4
KDH	0.46	10.0%	1,550	18.9	1.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-5.96	9.3%	1,367	16.1	1.5
VND	-1.34	10.0%	1,095	14.5	1.3
HAX	-0.99	28.5%	4,204	4.2	1.0
VIX	-0.97	5.4%	604	13.3	0.6
FUEVFNVD	-0.93	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VJC	95.38	-14.0%	(4,010)	-	3.9
SSI	77.11	9.3%	1,367	16.1	1.5
VPB	50.50	19.1%	2,714	7.8	1.4
FUEVFNVD	44.70	N/A	N/A	N/A	N/A
KBC	41.08	8.9%	1,991	12.6	1.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
LPB	-324.55	22.1%	2,825	5.5	1.1
VCG	-61.36	8.9%	1,610	13.0	1.0
VIB	-37.61	29.7%	4,026	5.4	1.4
MWG	-23.44	18.5%	2,809	13.9	2.4
MSN	-21.88	9.0%	2,511	30.6	3.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	43.63	19.1%	2,714	7.8	1.4
VIC	36.51	5.9%	2,270	25.6	1.6
KBC	31.17	8.9%	1,991	12.6	1.1
HCM	19.68	11.2%	1,864	14.0	1.5
HPG	13.85	9.1%	1,459	14.4	1.3

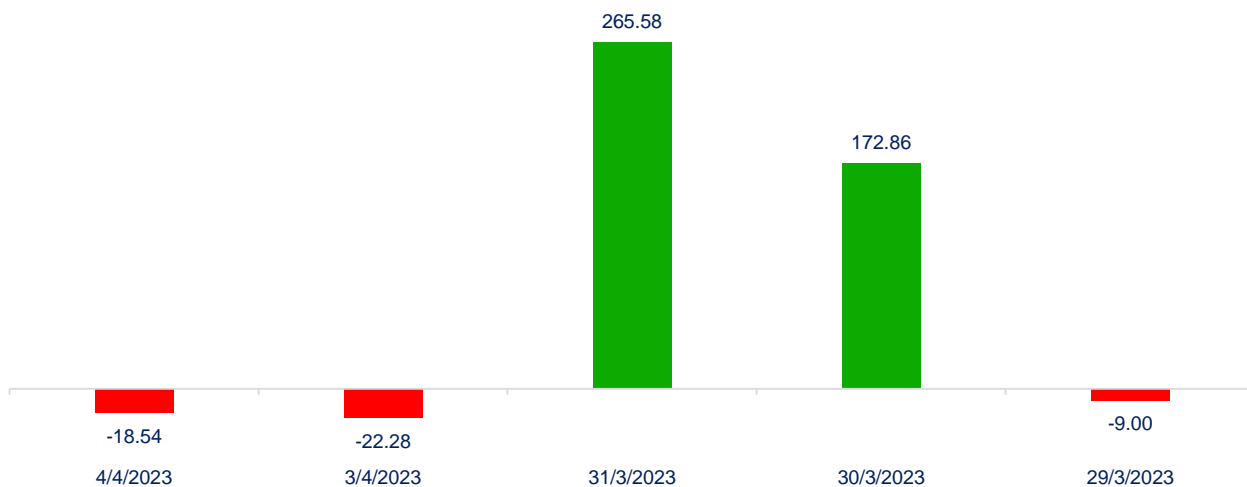
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-104.11	13.8%	2,674	10.0	1.3
VNM	-56.66	24.8%	4,077	18.2	4.7
FUEVFNVD	-43.40	N/A	N/A	N/A	N/A
VND	-40.32	10.0%	1,095	14.5	1.3
VCI	-28.92	13.3%	1,999	16.3	2.2

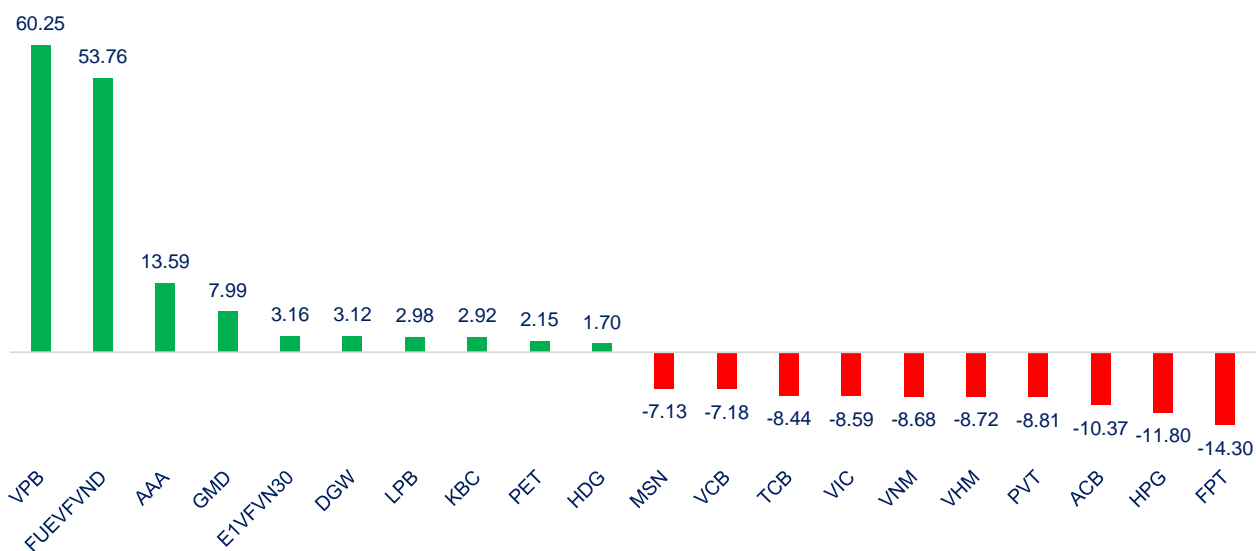


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn